

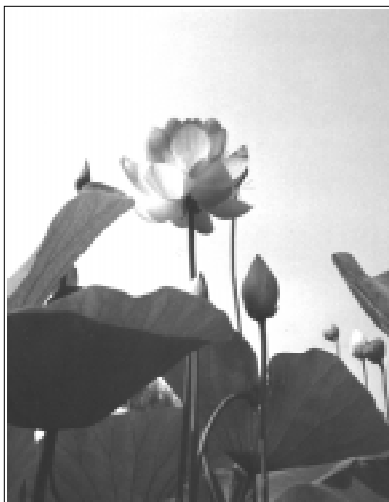


BỒ ĐỀ HẢI

Vạn Phật Thánh Thành

Số 32, Tháng 5-6/1997

2001 Talmage Road, Talmage, CA 95481-0217



Đọc trong số này

- Giáo dục : Trẻ Em Hư Hông Phát Sanh Từ Đâu?
- Ý Nghĩa Lễ Tám Phật
- Chúng Đạo Ca
- Thông Báo
- Kinh A-Di-Đà Thiển Thích
- Thơ
- Sơ Lược về Phật Giáo
- Hạnh Xuất Gia: Độ Người
- HT Hư Vân họa truyện #5

Phát Hành

*Dharma Realm Buddhist Association
Long Beach Sagely Monastery
3361 East Ocean Boulevard
Long Beach, CA 90803
Tel./Fax. (562) 438-8902
E-mail: BoDeHai@aol.com
www.saigon.com/~fopusa/*

Trẻ Em Hư Hông Phát Sanh Từ Đâu?

What Are The Causes Of Problematic Children?

(Instructional Talk by the Venerable Master Hsuan Hua)

HT Tuyên Hóa

Việc trẻ em hư hỏng không phải phát sanh từ nơi chúng nó. Như vậy vấn đề này từ đâu đến? Từ gia đình mà ra.

Con người ai ai cũng ích kỷ, chỉ biết lo cho mình mà thôi. Kết hôn mới được hai ngày rưỡi, chưa đầy ba ngày thì đã ly dị; chuyện chưa tới đâu thì lại tái hôn. Vì tỷ lệ ly dị quá cao, nên gia đình mới đổ vỡ tan nát rồi tạo ra vấn đề nhi đồng. Nếu gia đình êm ấm, không tan vỡ, thì bậc làm cha mẹ mới có thể lo lắng cho con cái được chu toàn; không phải bỏ hết thời gian kiếm tiền vì sinh kế, mà chẳng ngó ngàng đến chúng. Do đó cha mẹ nuôi con mà không dạy dỗ, thì con cái sẽ thành hư hỏng. Nào phải vấn đề này do em trẻ tạo ra. Khi con cái hư hỏng thì đó chỉ là hệ quả (của tình trạng băng hoại trong gia đình).

Muốn giải quyết sự hư hỏng của con em ta, trước tiên mình phải bắt tay từ gia đình. Là cha mẹ, mình phải có trách nhiệm giáo dục con cái; không thể nói tự do,

The causes of problematic children do not come from children. Where do they come from then? They lie within the family.

People are so selfish that they think of themselves only. After getting married for two and a half days, not even three, they get divorced and then marry again. As the result of the high divorce rate and many broken families, we have problem children. If the families didn't break up, then parents would be able to take a good care of their children; both wouldn't be so busy making their own living that they neglect their children. Since parents bring up the children without giving adequate guidance, they become problematic. Therefore, the problem lies not with the children. When children become problematic, it's already too late!

If we want to solve the children's problems, then we must start with the family. That is, both the father and mother should take the responsibility of educating their children. You cannot say, "To give them freedom means to let them do whatever they want!" If you don't discipline them, then "Those who

rồi để chúng tùy ý làm gì thì làm. Trẻ con mà thiếu giáo huấn thì gần mực thì đen, gần đèn thì sáng. Trẻ con rất dễ bị hoàn cảnh chuyển biến. Để con trẻ tự do phát triển, thì chúng sẽ phát triển tới chỗ giết người, đốt nhà, buôn bán ma túy; đó chính là nguy cơ của sự tự do phát triển. Có thể nói rằng tự do phát triển nên được giới hạn tới một mức độ nào đó, đừng để chúng tùy tiện quá đáng. Nhứt là pháp luật tại nước Mỹ này, hễ cha mẹ đụng đến con cái thì con cái có thể đi báo cảnh sát, để bắt bỏ tù cha mẹ.

Tôi tin chắc cha mẹ sinh con thì đâu có lý nào bạc đãi con mình. Bạn phải kỷ luật con em mình một chút vì đó là cần thiết. Bạn cần đặt một mức độ kỷ cương để dạy dỗ con cái. Nếu chúng làm sai mà bạn chẳng dạy dỗ trách mắng thì chúng sẽ trở thành hư hỏng. Cũng như cây mọc nhánh loạn xạ, nếu ta không cắt xén chúng đi thì tương lai cây này chỉ đáng làm củi chụm lửa. Ngược lại, nếu nhánh được cắt xén thì cây sẽ mọc mạnh, lớn mau, có thể dùng làm vật liệu xây cất; nghĩa là con em có thể lớn lên đảm đương trách nhiệm trọng đại, làm bậc rường cột cho muôn đời mai sau. Bởi vậy việc giáo dục trẻ em cần được tiến hành một cách tế nhị và tận tình.

draw near rouge turn red; those who draw near ink turn black,” and “Those dyed in blue become blue; those dyed in yellow become yellow.” Children are influenced by their environment. If you allow them to develop freely without any guidance and discipline, then they may develop inclination for killing, arson, smuggling, and drug peddling. That’s the problem of free development. Free development is acceptable within certain limits. We shouldn’t let children have their own way completely. Under the laws of this country, as soon as parents try to discipline their children, the children may report them to the police and have them arrested and imprisoned for abuse.

I believe that since parents gave birth to their children, they wouldn’t willingly abuse them. Even if they were to discipline them a bit, they would do it with restraint. It shouldn’t be the case that parents don’t even dare to touch their own children, or scold them. That would certainly spoil the children. For instance, if you don’t trim the branches, the tree will only be good for firewood. However, if you trim the tree well, then it will be able to hold heavy weight for tens of thousands of years and even be suitable for making pillars. Therefore, we should teach our children with care, so they can grow up to be responsible adults and role models for the future generations.

Ý Nghĩa Lễ Tắm Phật

Vì sao chúng ta tắm Phật? Tắm Phật là một cách tưởng nhớ ngày Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đản sanh. Vì sao có quá nhiều người tưởng nhớ đến Đức Phật Thích Ca Mâu Ni như thế? Là vì trong vô lượng vô biên kiếp về trước Ngài đã từng tắm cho rất nhiều Đức Phật!

Đức Phật là đấng đại giác ngộ, là người chân chánh thấu triệt mọi sự. Thật ra, thân thể Đức Phật vốn thanh tịnh, không cần phải tắm rửa; thế thì tại sao chúng ta lại tắm Phật? "Tắm Phật" chẳng qua chỉ là một nghi thức tưởng niệm, một nghi lễ để qua đó, chúng ta thể hiện lòng hiếu kính của mình đối với Đức Phật mà thôi. Khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đản sanh thì có chín con rồng đến phun nước tắm cho Ngài, sự kiện ấy được lưu truyền lại và sau đó trở thành nghi thức "Tắm Phật." Là đệ tử của Phật, chúng ta cần phải có lòng hiếu kính đối với vị Thầy của mình, vì thế nên chúng ta đều tắm Phật!

Why Do We Bathe the Buddha?

Why do we bathe the Buddha? Bathing the Buddha is a way of commemorating the day Shakyamuni Buddha was born. Why do so many people remember Shakyamuni Buddha’s birthday? It’s because in limitless eons in the past he had bathed many other Buddhas.

The Buddha is greatly enlightened and truly understands everything. Basically, the Buddha’s body is perfectly clean and he doesn’t need a bath. Why do we bathe him then? The ceremony is a manifestation of our filial thoughts toward the Buddha. When Shakyamuni Buddha was born nine dragons came to bathe him, and so we follow their example and bathe the Buddha. As Buddhist disciples, we should remember our teacher and be filial to him.

Hòa Thượng Tuyên Hóa



Vĩnh Gia Đại Sư Chứng Đạo Ca Thiển Thích

(H.T. Tuyên Hóa giảng tại chùa Kim Luân, Los Angeles tháng 2, 1985)

Lúc đến Hoa Kỳ, trước tiên tôi giảng Kinh Kim Cang, nhưng không có ghi chép hoặc chú giải. Thời đó thánh giả toàn là Hoa Kiều, nghe rồi thì xong chuyện. Sau đó tôi giảng Tâm Kinh, mỗi tuần lễ giảng một câu, hoặc một đoạn ba câu, mỗi đoạn tôi chú giải bằng tám câu kệ tụng, gọi là Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh Phi Đài Tụng Giải. Lúc đó mỗi tuần tôi giảng một thời, vì ở Mỹ hằng ngày ai cũng bận việc không thể đến nghe. Chỗ tôi ở là căn hầm nhà, đất ẩm thấp, trừ cửa chính, không cửa sổ nên chẳng ánh sáng lọt vào, cũng chẳng thấy dạng mặt trời mặt trăng gì cả. Chính ở đây tôi đã giảng Kinh Kim Cang. Sau đó khi dời đến đường Waverly, tôi đã giảng Tâm Kinh. Tiếp theo tôi giảng Vĩnh Gia Đại Sư Chứng Đạo Ca, dùng thể văn viết chú thích, rồi dựa vào đó giảng giải. Sau này có người ghi chép lại, lấy tên là Vĩnh Gia Đại Sư Chứng Đạo Ca Thuyên Giải. Các bạn muốn biết thuở xưa tôi giảng pháp ra sao thì hãy đọc quyển Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh Phi Đài Tụng Giải, và cũng nên nghiên cứu thêm quyển Vĩnh Gia Đại Sư Chứng Đạo Ca Thuyên Giải.

Nói đến Chứng Đạo Ca, thì tôi vô cùng mến chuộng tác phẩm này ngay khi bắt đầu nghiên cứu Phật Pháp. Tôi đã đọc nó đến độ thuộc lòng. Vì quá yêu thích nó, nên sau khi đến Mỹ tôi chọn nó làm đề tài thuyết pháp thứ ba. Tôi nghĩ rằng ở Los Angeles có rất nhiều

thanh niên học sinh, nên việc nghiên cứu Chứng Đạo Ca rất thích hợp. Ngày nay có người thỉnh tôi giảng kinh, thì đúng là hại tám thân già này! Những cuốn băng ghi bài tôi giảng xưa kia hay hơn lời tôi giảng bây giờ nhiều lắm. Lúc xưa tinh thần sung mãn, thân thể không đau yếu như hiện nay; lúc giảng thì chẳng chút ủy mị yếu ớt, mà đầy dẫy nghị lực, đầy khí phách, đầy sáng tạo, khiến người nghe chẳng buồn ngủ. Vậy sao các bạn lại muốn tôi giảng nữa? Một khi đã có băng, thì tôi có thể làm biếng được rồi. Ai ngờ các vị đệ tử chẳng chịu buông tha, cứ lại bắt tôi giảng. Hôm nay ngồi nơi giảng tọa, linh cảm máy động, tôi nghĩ rằng giảng lại Chứng Đạo Ca cũng rất tốt. Đại chúng nghe rồi, nếu học ngâm bài Chứng Đạo Ca này cho kẻ khác nghe, sẽ giúp họ mau dạng khai ngộ.



Vĩnh Gia Đại Sư

mô phạm giáo hóa chúng sinh trong tam giới. **Sư**: là thầy, tức Ngài là thầy của hàng trời người. Lại nữa Ngài lấy pháp làm thầy; Ngài noi theo tất cả Phật pháp, như noi theo một người thầy vậy. Và vì Ngài lại lấy pháp bố thí cho người đời, cho tất cả chúng sanh, nên Ngài mới được gọi là Sư, hay Thầy. Sư nói lên cái khuôn mẫu, mô phạm, hay tiêu chuẩn mà mình nên bắt chước.

Vị đại sư này xuất gia lúc lên bốn tuổi, mỗi giờ mỗi khắc nỗ lực tu hành, tầm sư học đạo, do đó trong Chứng Đạo Ca có đoạn như sau:

Đại Sư nghĩa là gì? **Đại**: là vĩ đại, là to lớn, vì Ngài là bậc

*Du sơn hải thiệp sơn xuyên.
Tâm sư phóng đạo vi tham thiên.
Tự từng nhận đắc Tào Khê lộ.
Liễu trí sanh tử bất tương quan.*

Du sơn hải là đi mọi nơi tìm Thiện tri thức để học hỏi; *Thiệp sơn xuyên* là trèo non vượt ải qua chốn sông to núi lớn để tìm sư học đạo, tìm bạn bè để cầu minh triết, tìm Thiện tri thức, cầu kẻ có Minh Nhân để điểm đạo, do đó mà *Tâm sư phóng đạo vi tham thiên*, không ngoài mục đích liễu sanh tử nên cầu học pháp môn tham thiên. *Tự từng nhận đắc Tào Khê lộ* là từ khi Ngài hiểu rõ Tào Khê con đường hướng thượng, và sau rốt là đắc pháp tâm ấn, rồi *liễu trí sanh tử bất tương quan*, là Ngài liền thấu triệt chuyện sanh tử, không còn chút gì thắc mắc nữa.

Chứng: là chứng đắc, chứng minh cái gì đó, như chứng minh đạo có thể chứng, có thể tu, có thể hành. Chứng cũng là ấn chứng, tức là chứng cứ.

Ấn chứng: người tu đạo tự mình đã khai ngộ rồi, không thể tự mình ấn chứng, y phải cần tìm một vị cao tăng đạo hạnh sâu dày, một bậc đại Thiện tri thức, một vị đã giác ngộ đến ấn chứng cho mình, thì sự chứng minh này mới đúng. Không thể tự xưng là ta đã khai ngộ rồi, ta chứng quả rồi, như vậy là: chưa chứng đã nói chứng, chưa đắc đã nói đắc. Trong đạo Phật chưa đạt tới trí tuệ chân chánh mà nói rằng mình đã đạt được rồi thì kể như phạm tội đại vọng ngữ, nhất định bị đọa xuống địa ngục rút lưỡi. Do đó không thể tự mình xưng là Tổ sư, mà phải cần đến một bậc minh nhân Thiện tri thức ấn chứng thì mới thành Tổ được.

Đạo: Ông Hàn Dũ nói chí lý rằng: "Do đây mà đến đó gọi là đạo," đạo là con đường từ nơi này đến một nơi khác, nhưng ông chỉ rõ đường lộ, nay chúng ta đề cập đến đạo là con đường tu hành. Tu đạo thì phải tu từ bên trong, chẳng phải tu ở bên ngoài, rằng "nội thánh thì ngoại vương," nghĩa là bên trong có sự thông minh, trí tuệ của Thánh nhơn, bên ngoài ta mới có thể giáo hóa chúng sanh. Trung Quốc có ông Thương Hiệt là vị Bồ Tát hóa sanh chuyên tạo chữ. Vì có gì ông có thể tạo chữ? Vì ông có Thiên Nhân Thông. Do vậy, chữ Tàu tạo ra phần nhiều là tượng hình. Tượng hình nghĩa là chữ và hình phù hợp với nhau. Thí dụ chữ Đạo (道).

Phía trên có hai chấm, một chấm tượng trưng cho số âm và một tượng trưng cho số dương. Nếu từ hai chấm này nối lại thành hai phết thì thành chữ Nhơn (人); nếu hai phết không dính lại thì đó là chữ Bát (八); nhưng một phết ngán một phết dài biến thành chữ Nhập (入). Vừa qua chúng ta thấy hai cái chấm trên đầu chữ Đạo mang nhiều biến đổi. Như trên đã nói hai chấm trên đầu chữ Đạo thể hiện âm dương, cũng là thể hiện cho Nhơn (人); chữ Nhơn tách ra thành một âm một dương. Dưới hai chấm lại có một chữ Nhứt (一). Chữ Nhứt do đâu ra? Phải chăng chữ Nhứt thêm vào chẳng có duyên cớ gì?

Chữ Nhứt (一) là số không (0) mà ra, số không (0) bẻ gãy rồi kéo thẳng ra thì biến thành chữ Nhứt (一). Hai chấm phía trên có thể là từ số không (0) bẻ làm đôi biến thành một âm một dương; như vậy chữ Nhứt (一) có cả âm lẫn dương, biến hóa từ số không (0) mà ra. Tiếp theo chữ Tự (自) (là mình, là ta) được thêm vào, ám chỉ sự tu đạo là do chính mình. Nếu chữ Tự cùng hai chấm và một gạch hợp lại thì ra chữ Thủ (手); Thủ (đầu tiên, đứng đầu) tức là việc trọng đại trong đời mình. Thủ là đầu: giống như cái đầu, việc quan trọng nhất là liễu sanh thoát tử. Liễu sanh thoát tử do nơi chính mình mà không phải đi tìm kiếm bên ngoài chẳng phải hướng ngoại tìm cầu, do đó tự mình phải chăm tu hành. Một bên và phía dưới chữ Thủ (手) thêm chữ Tẩu (là đi) (走), hợp nhau lại thành chữ Đạo (道). Đạo cần phải tu hành, hễ tu thì phải thực hành; do đó người ta mới ghép chữ Tẩu một bên. Đó là đại khái ý nghĩa của chữ Đạo.

Phía trên chữ Đạo có hai chấm thể hiện lý âm dương mà cũng ám chỉ hai mắt hoặc hai tai, hoặc hai mũi. Đó đều là biểu tượng. Bất luận là mắt, mũi, tai, các giác quan này đều ở trên thân thể của ta; do đó đừng dụng công bên ngoài mà phải dụng công ở bên trong. Rằng: "Đạo có đường hữu hình bên ngoài, có đường vô hình bên trong." Đường hữu hình thì trôi lăn sanh tử, đường vô hình thì liễu thoát sanh tử. Ngài Vĩnh Gia Đại Sư sáng tác Chứng Đạo Ca với mục đích chỉ ta đi con đường liễu thoát sanh tử, là con đường tự tánh mà mỗi người chúng ta cần phải tu theo.

(còn tiếp)



Thông Báo

Pháp Hội tụng Kinh Hoa Nghiêm kỷ niệm ngày Hòa Thượng viên tịch.

Vạn Phật Thành (707) 462-0939 sẽ tổ chức ba tuần thất tụng Kinh Hoa Nghiêm từ ngày 7 đến ngày 28 tháng 6 năm 1997 (bằng ba thứ tiếng Việt, Hoa và Mỹ).

Chùa Kim Luân (213) 258-6668, pháp hội bắt đầu vào ngày 8 đến ngày 29 tháng 6 từ 8 AM- 4 PM.

Chùa Pháp Giới Thánh Thành (916) 374-8268, pháp hội bắt đầu từ ngày 7 đến ngày 24 tháng 6, từ 8 giờ 30 sáng đến 4 giờ chiều.

Chùa Kim Sơn San Francisco (415) 421-6117, từ ngày 8 đến ngày 22 tháng 6.

Chùa Long Beach (562) 438-8902, bắt đầu từ ngày 9 đến 15 tháng 6, từ 7 giờ sáng đến 7 chiều.

Phật Thất Mùa Hè 1997

Tu Viện Long Beach (562) 438-8902 sẽ tổ chức một tuần Phật thất từ ngày 28 tháng 6 đến ngày 5 tháng 7. Mục đích của Phật thất là để giúp quý vị đạo hữu có cơ hội chuyên tâm trì niệm hồng danh đức Phật liên tục không gián đoạn trong bảy ngày. Xin liên lạc với tu viện để biết thêm chi tiết.

Thuyết giảng

Kim Thánh Tịch San Jose (408) 923-7243 có buổi tụng Kinh Pháp Hoa phẩm Phổ Môn và thuyết pháp lúc 2 giờ chiều thứ bảy 17 tháng 5 và tiếp tục vào mỗi hai tuần sau đó (vào ngày 31 tháng 5, ngày 14 tháng 6...)

Saturdays (9:00 - 11:00 AM): Shurangama Sutra (Kinh Lăng Nghiêm). Thầy Heng Bin giảng.

Sundays: (9:00 - 11:00 AM): Lotus Sutra (kinh Pháp Hoa). Thầy Heng Sure & Heng Yuen (Hằng Thật và Hằng Duyên) giảng.

Chùa Long Beach (562) 438-8902 Kinh Hoa Nghiêm (bằng Việt ngữ) vào mỗi tối thứ sáu từ 7 đến 10 giờ.

Chùa Berkeley (510) 848-3440

Berkeley Buddhist Monastery Schedule of Events:

Daily Meditation Mornings 6:15AM Evenings 5:15

Mondays and Wednesdays: Cha'n Meditation Class.
Leaders: Bhikshu Heng Sure & Steve Tainer
7:30 - 9:30 Mondays: Beginners
Wednesdays: Intermediate

Tuesdays: Prajna Yoga and Meditation Class. Instructor: Dr. M. N. Rao. 6:30 - 7:30 PM Intermediate
7:30- 8:30 PM Beginners

Thursdays: Vipassana Meditation Group.
Leader: James Baraz 7:30 - 9:30 PM

Saturday Evenings: Sutra lecture
The Sixth Patriarch's Platform Scripture (Kinh Pháp Bảo Đàn).
Thầy Heng Sure 7:30 - 9:30 PM

Community School (Virtue Studies, Mandarin and Vietnamese) 6:00 PM - 9:00 PM Saturday Evenings

Some Saturday Mornings (call for times)
UCB Meditation Workshop.
Leader: Bhikshu Heng Sure 9:00 - 10:30 AM

Saturday Afternoons: Women's Practice Group
Second Saturday of each month. 2:00 - 4:00 PM
Leaders: Nuns of Dharma Realm Buddhist Association

Bồ Đề Hải Online

Bồ Đề Hải đã có trên hệ thống internet. Quý đạo hữu có thể xem tại địa chỉ sau:

<http://www.saigon.com/~fopusa/>

Lưu Ý

Chi phiếu phụ giúp cước phí hay ấn tống Bồ Đề Hải, xin đề Dharma Realm Buddhist Association (hay DRBA) thay vì Bồ Đề Hải.

Cùng Nhau Góp Sức Dịch Kinh

Ban Phiên Dịch Kinh Điển, trực thuộc Vạn Phật Thánh Thành chúng tôi được thành lập với ý nguyện dịch sang Việt ngữ giáo pháp của Hòa Thượng Tuyên Hóa. Song những bài pháp của Hòa Thượng thì nhiều vô số! Những bài ấy gồm đủ loại: từ kinh, luật, luận, đến thơ, văn giảng giải đạo pháp; từ thể văn cổ đến thể văn bạch thoại. Nếu các bạn đạo hữu có tâm nguyện hoằng pháp, hoặc có năng lực phiên dịch, hoặc có ý tham gia công việc lợi lạc chúng sinh, xin hoan nghinh các bạn chia sẻ sứ mạng của ban phiên dịch chúng tôi. Để biết rõ thêm chi tiết về công tác phiên dịch, xin các bạn đạo hữu liên lạc về Long Beach Sagely Monastery.

Phật Thuyết A Di Đà Kinh Thiển Thích

The General Explanation of The Buddha Speaks of Amitabha Sutra

by Venerable. Master Hua

Dẫn Nhập

Nói Lời Mở Đầu Nhân Dịp Hoàn Tất Bản Dịch từ Tiếng Anh Kinh Phật Thuyết A Di Đà

Kinh A Di Đà thuộc loại Vô Vấn Tự Thuyết. Kinh mô tả chi tiết những cảnh trang nghiêm tuyệt mỹ của cõi Tịnh Độ Tây Phương. Chúng sanh trong mười phương chỉ cần niệm danh hiệu Đức Phật A Di Đà, thì chắc chắn vãng sanh trong cõi nước này.

Lúc Phật Pháp trong cõi Ta Bà sắp diệt, kinh này sẽ là kinh cuối cùng bị diệt mất. Kinh Thủ Lăng Nghiêm là kinh mà thiên ma ngoại đạo sợ hãi nhất sẽ bị tiêu diệt đầu tiên. Chúng muốn đốt trụi mọi ấn bản của kinh này. Kinh Thủ Lăng Nghiêm soi rõ mọi tướng trạng cảnh giới của đủ loài yêu ma quỷ quái như ly kỳ, vọng lượng khiến chúng không thể trốn lánh đi đâu đặng và trở nên oán ghét căm thù kinh này. Nhiều nhà học giả, vì thiếu hiểu biết nên đã đồng tình với bọn yêu ma ấy. Thật đáng thương xót vậy.

Kinh A Di Đà có thể được ví như một khối nam châm lớn, và chúng sanh trong mười phương như magnet: tất cả magnet, không phân biệt từ đâu, đều được khối nam châm thu hút.

Hôm nay, nhân dịp kinh đã dịch ra tiếng Anh, tôi thêm vào mấy lời để giới thiệu.

*Sa Môn Tuyên Hóa
Viết tại Hoa Nghiêm Đường
Chùa Kim Sơn*

Năm Tầng Nghĩa Lý Thâm Diệu (Ngũ Trùng Huyền Nghĩa)

Một: Giảng Giải Tên Kinh (Thích danh)

Theo giáo lý Tông Thiên Thai, để thấu hiểu

Introduction

Tripitaka Master Hsuan Hua's Introduction to The English Translation of The Buddha Speaks of Amitabha Sutra

The Buddha Speaks of Amitabha Sutra belongs to the class of Sutras spoken without formal request. It describes in detail the supremely beautiful adornments of the Western Land of Ultimate Bliss. Living beings of the ten directions need only recite Amitabha Buddha's name, practicing even just the Dharma of Ten Recitations, in order to be assured of rebirth in that land.

When the Buddhadharma becomes extinct in the Saha World, this Sutra will be the last to disappear. The first to go will be the Shurangama Sutra (Leng Yen Ching), the Sutra most feared by heavenly demons and externalists, all of whom would like to see every existing copy of it burned to ashes. The Shurangama Sutra reveals the true faces of *li mei* and *wang liang* ghosts who, unable to hide, hate it with vengeance. Scholars who are without sufficient common sense fall in with the demons. This is truly pitiable.

The Buddha Speaks of Amitabha Sutra may be compared to a great magnet, and the living beings of the ten directions are like iron fillings; all the fillings without exception, are drawn to the magnet.

Now, upon the completion of the English translation, I have added these words as a brief introduction.

*Gold Mountain Sramana
Hsuan Hua
Composed in the Avatamsaka Room*

The Five-Fold Profound Meanings

One: Explaining the Name

According to the instructions of the T'ien T'ai School, Sutras are outlined according to Five-fold

một bộ kinh, ta cần phải nghiên cứu năm tầng thâm nghĩa: Giải thích tên Kinh (Thích danh); Phân tích lý thể (Biện thể); Làm rõ tông thú (Minh tông); Thảo luận ứng dụng (Luận dụng); và Xác định giáo tướng (Phán giáo). Năm ý này được gọi là "năm tầng lớp" vì chúng lột từng tầng từng lớp ý nghĩa của kinh văn.

Lớp đầu tiên là Giải thích tên Kinh. Khi các bạn giao thiệp với ai, trước hết các bạn phải biết tên người ấy. Cũng vậy, chỉ khi các bạn biết tên kinh các bạn mới có thể bắt đầu hiểu nghĩa của kinh. Đối với kinh văn cũng như vậy, vì mỗi kinh đều có tên riêng.

Mỗi bộ kinh đều có tên chung và tên riêng. Chữ *Kinh* là **tên chung**, vì tất cả những điều Đức Phật thuyết giảng đều gọi là Kinh. Gọi là tên riêng bởi vì chỉ kinh này mới có, kinh khác không có. Như tên riêng của kinh này là: "*Phật Thuyết Kinh A Di Đà*."

Có năm hạng người có thể nói Kinh, đó là:

1. Chư Phật
2. Đệ tử của Phật
3. Chư thiên
4. Chư tiên
5. Hóa nhân, tức là những vị trời hay Phật hóa thân thành người.

Trừ Phật, bốn hạng người kia khi họ thuyết pháp, điều họ nói cần phải được Phật ấn chứng thì mới thành kinh. Nếu không thì những gì họ nói không phải là kinh. Kinh này do Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đích thân thuyết, không phải do bốn hạng chúng sinh kia.

Thường thì có người thỉnh pháp thì Phật mới giảng kinh; đặc biệt là kinh Di Đà thì không ai thỉnh mà Phật tự ý thuyết. Đó là vì giáo lý Tịnh Độ quá thâm diệu. Đến ngay các vị Thanh Văn cũng không biết đến, các vị Bồ Tát trí huệ còn không hiểu đặng, thì có ai biết để thỉnh vấn pháp môn Tịnh Độ này. Song le, vì pháp môn này *phải* được giảng, và đã *tới lúc* phải được thuyết, nên Phật đã tự ý nói bộ Kinh vô cùng quan trọng này. Tại sao kinh này quan trọng? Là vì nó là Kinh cuối cùng diệt mất trong thời mạt pháp.

Trong tương lai, khi Phật pháp sắp tận diệt, thì *Kinh Lăng Nghiêm* là kinh sẽ bị diệt mất đầu tiên. Đó là vì tất cả Ma vương sợ nhất là chú Lăng Nghiêm. Phật thuyết Kinh Lăng Nghiêm chính là vì muốn nói chú Lăng Nghiêm. Sau khi Kinh Lăng Nghiêm biến mất thì, các kinh khác cũng sẽ lần lượt bị tiêu diệt. Lúc ấy kinh văn chỉ có giấy trắng mà chẳng có chữ gì hết. Bấy giờ mình xem kinh thì giấy trắng mực đen, nhưng tới lúc Phật pháp diệt thì giấy còn mà chữ mất hết.

Cuối cùng chỉ còn lại *Kinh A Di Đà*. Kinh sẽ tồn tại trên thế gian thêm một trăm năm nữa và sẽ độ thoát vô lượng chúng sanh khỏi bể khổ, qua bờ Niết Bàn. Rồi thì *Kinh A Di Đà* cũng diệt mất, chỉ còn lục tự hồng danh "Nam Mô A Di Đà Phật" ở lại trong trần thế thêm một trăm năm, cứu độ vô số chúng sanh. Kế đến, hai chữ "Nam Mô", (có nghĩa là "con xin quy mạng") sẽ mất đi, chỉ còn bốn chữ "A Di Đà Phật" tại thế thêm một trăm

Profound Meanings: Explaining the Name, Describing the Substance, Clarifying the Principle, Discussing the Function, and Determining the Teaching Mark. The Five-fold Meanings are called "five-fold" because they unfold, layer after layer.

The first is Explaining the Name. Only when you know the Sutra's name can you begin to understand its principles. Just as when you meet a person you first learn his name, it is likewise with Sutras, for each has its own particular name.

The titles of all Buddhist Sutras may be divided into two parts, the common title and the special title. The **special title** of this Sutra is: "*The Buddha Speaks of Amitabha*," and the word "*Sutra*" is **the common title**, as all discourses spoken by the Buddha are called Sutras.

Although five kinds of beings may speak Sutras,

1. the Buddhas,
2. the Buddha's disciples,
3. gods,
4. immortals, and
5. transformation beings, who are Buddhas or gods transformed into human forms,

the disciples, gods, immortals, and transformation beings must first receive the Buddha's certification before they speak Sutras; without certification, what they speak is not truly a Sutra. This Sutra was spoken by the Buddha, not by those in the other four categories, it verbally came from Shakyamuni Buddha.

Because its principles were too profound and wonderful for the Sravakas or Bodhisattvas to comprehend, no one requested the Pure Land Dharma-door. Nonetheless, it had to be revealed and so the Buddha spontaneously spoke this very important Sutra, doubly important because it will be the last to disappear in the Dharma-ending age.

In the future, the Buddhadhama will become extinct. Demon Kings most fear the Shurangama Mantra and so the *Shurangama Sutra* will be the first to disappear, for without the Sutra, no one will be able to recite the mantra. Then, one by one, all other Sutras will disappear. We now have text of black ink on white paper, but in the future when the Buddhadhama is on the verge of extinction; the words will disappear from the pages as all the Sutras vanish. The last to go will be *The Amitabha Sutra*. It will remain in the world for another one hundred years and during this time it will ferry limitless number of living beings across the sea of suffering to the other shore, which is Nirvana. When *The Amitabha Sutra* is forgotten, only the great phrase "Namo Amitabha Buddha" will remain among mankind and save limitless beings. Next, the word "Namo" which is Sanskrit and means "homage to" will be lost, and only "Amitabha Buddha" will remain for another one hundred years, rescuing living beings. After that, the Buddhadhama will completely disappear from the world. Because this Sutra will be the last to disappear, it is extremely important.

năm nữa. Sau đó, Phật pháp sẽ tận diệt. Vì Kinh A Di Đà là Kinh cuối cùng diệt mất, nên nó vô cùng quan trọng.

Tên Riêng: Phật Thuyết A Di Đà

Phật là ai? Phật là bậc Đại Giác. Gọi là đại giác vì Ngài rõ suốt hết mọi sự mọi việc; Ngài hoàn toàn chẳng chút mê mờ. Ngài đã dứt tận nghiệp, đoạn sạch tình; chẳng còn nghiệp chướng và tình ái nhiễm trước. Kẻ phàm phu thì nặng nghiệp, mê tình. Hễ dính vào tình cảm, đắm vào yêu đương thì đó là phàm phu là chúng sinh.

Phật có ba sự giác ngộ, nên gọi là đại giác:

1. Bốn giác, tức căn bản Phật đã giác ngộ rồi
2. Thủy giác, tức là sự giác ngộ sơ khởi
3. Cứu cánh giác, tức giác ngộ triệt để và rốt ráo.

Ta cũng có thể nói rằng Ngài là bậc

1. Tự giác (tự mình giác ngộ)
2. Giác tha (giác ngộ kẻ khác)
3. Giác hạnh viên mãn (công hạnh giác ngộ mình và người đã viên mãn)

Phàm phu chúng ta thì không giác ngộ. Lúc nào cũng cho rằng thông minh nhưng thật ra mình rất ngu si. Cứ tưởng là mình đánh bạc, sẽ thắng; đâu biết rằng mình sẽ thua? Tại sao điên đảo như vậy? Bởi vì u mê, nghĩa là **biết rõ là sai mà cứ làm**. Hễ càng u mê ngu tối, thì càng điên đảo; hễ càng điên đảo, mình lại càng ngu tối u mê. Vậy thì phải làm sao? Phải giác ngộ.

Đức Phật cũng là một chúng sanh, nhưng ngài đã giác ngộ, hết mê; nên gọi là bậc *tự giác*. Bậc tự giác thì không giống với phàm phu. Các vị Thanh Văn, Duyên Giác hay các vị Nhị thừa, là "tự liễu hán," (Bậc chỉ tự độ), rằng các vị tuy tự giác ngộ nhưng không giác ngộ kẻ khác.

Người đi giác ngộ người khác gọi là Bồ Tát, là kẻ không như hàng Nhị thừa chỉ tự ngộ, không độ kẻ khác. Bồ Tát phát tâm vì muốn lợi ích chúng sinh, mà không muốn chúng sinh lợi ích các ngài. Chư Bồ Tát dùng phương pháp làm mình giác ngộ để giáo hóa chúng sanh, khiến họ cũng giác ngộ, hết điên đảo. Đó là hạnh Bồ Tát.

Các vị Nhị thừa tu Tứ Diệu Đế và Thập Nhị Nhân Duyên. Tứ Diệu Đế là:

1. Khổ (hiện trạng cái khổ)
2. Tập (nguyên nhân của khổ)
3. Diệt (Sự chấm dứt của khổ)
4. Đạo (Con đường hết khổ)

The Special Title: The Buddha Speaks of Amitabha Sutra

Who is the **Buddha**? The Buddha is the Greatly Enlightened One. His great enlightenment is an awakening to all things, without a particle of confusion. A Buddha has ended karma and transcended emotions. He is without karmic obstacles and devoid of emotional responses. On the other hand we find living beings who are attached to emotions and worldly love. Ordinary men with heavy karma and confused emotions are simply living beings. The Buddha's enlightenment may be said to be of three kinds:

1. Inherent enlightenment, enlightenment at the root source.
2. Beginning enlightenment, the initial stages of enlightenment.
3. Ultimate enlightenment, complete enlightenment.

You can also say that

1. he is Self-enlightened,
2. he Enlightens others, and
3. he is Complete in enlightenment and practice.

Self-enlightenment. Ordinary men are unenlightened. They consider themselves intelligent when in fact they are quite dull. For instance, they gamble thinking that they will win, little do they know that they'd certainly lose. Why are they so confused? **It's because they do things which they clearly know are wrong**. The more confused they are, the deeper they sink into confusion; the deeper they sink, the more confused they become.

Everyone should become enlightened. The Buddha himself is a living being; however, he is enlightened instead of confused. Therefore, he is said to be a self-enlightened one. Sravakas, the disciples of the Small Vehicle, are "independents"; they are also self-enlightened, but they do not enlighten others.

Unlike the Sravakas who think only of themselves, Bodhisattvas *enlighten others*. Bodhisattvas choose to benefit all beings and ask for nothing in return. They use methods through which they attain enlightenment to teach living beings so the latter can end delusion and realize enlightenment. This is the practice of the Bodhisattva conduct.

Sravakas, "sound-hearers", awaken to the Way upon hearing the sound of the Buddha's voice. They cultivate the Four Holy Truths,

1. suffering,
2. origination,
3. extinction, and
4. the Way.

Thập Nhị Nhân Duyên là:

1. Vô minh
2. Hành
3. Thức
4. Danh sắc
5. Lục nhập
6. Xúc
7. Thọ
8. Ái
9. Thủ
10. Hữu
11. Sanh
12. Lão tử

Mười hai nhân duyên khởi từ vô minh, và vô minh, tức là sự thiếu hiểu biết. Nếu không có vô minh thì mười hai Nhân Duyên chấm dứt. Bởi vì có vô minh, nên các nhân duyên khác sinh ra. Bạc Nhị thừa thì hành trì pháp trên, còn chư Bồ Tát thì đã vượt qua giai đoạn đó, các ngài tu Lục Độ Vạn Hạnh.

Lục độ là:

1. **Bố thí:** Hạnh bố thí thì chuyển hóa lòng bần xén. Muốn diệt lòng tham thì mình phải bố thí. Đối với thứ khó xả bỏ, mình phải xả bỏ. Nếu không chịu xả bỏ thì lòng tham không thể trừ diệt. Do đó mới nói: bố thí thì trị lòng bần xén.

2. **Trì giới:** Trì giới thì độ tội phá giới. Giới luật là kim chỉ nam để tu hạnh lành và loại trừ những sự vi phạm, tội lỗi, và điều ác.

3. **Nhẫn nhục:** Nhẫn nhục chuyển hóa sân hận. Nếu các bạn hay nóng nảy, tức giận, hãy tu hạnh nhẫn nhục, nhịn hết mọi sự. Đừng nên suốt ngày mặt mày dữ dằn như A-tu-la, lúc nào cũng muốn nổi giận. Không nói chuyện thì thôi, hễ mở miệng thì trợn mắt trừng trừng; đó chính là cái tướng của A-tu-la vậy. Do đó mình phải tu nhẫn nhục.

4. **Tinh tấn:** Hạnh tinh tấn chuyển hóa tánh lười biếng. Nếu bạn lười, hãy học hạnh này thì độ tính lười.

5. **Thiền định:** Thiền định chuyển hóa lòng tán loạn điên đảo. Nếu bạn cứ khởi vọng tưởng, nghĩ này nghĩ nọ hoài thì hãy tu thiền định. Hễ có định lực thì vọng tưởng sẽ hết và do đó sự tán loạn cũng sẽ biến mất. Điều chủ yếu là bạn phải có trí huệ, tức là trí bát nhã. Có trí huệ thì sẽ không ngu si; hễ ngu si thì không có trí huệ.

6. **Trí tuệ:** Quang minh thì dẹp tan bóng tối. Quang minh chính là trí huệ. Bóng tối là sự ngu si.

Bồ Tát tu Lục Độ Vạn Hạnh, tự giác và *giác*

They also cultivate the Twelve Causes and Conditions:

1. ignorance, ignorance which conditions...
2. action, action which conditions...
3. consciousness, consciousness which conditions...
4. name and form, name and form which conditions...
5. the six sense organs, the six sense organs which condition...
6. contact, contact which conditions...
7. feeling, feeling which conditions...
8. craving, craving which conditions...
9. grasping, grasping which conditions...
10. becoming, becoming which conditions...
11. birth, birth which conditions...
12. old age and death.

All twelve arise from ignorance, and ignorance is merely a lack of understanding. Without ignorance, the Twelve Causes and Conditions cease to operate. But if you flounder in ignorance, you are caught in the remaining causes. Those of the Small Vehicle cultivate the Four Holy Truths and the Twelve Causes and Conditions, but Bodhisattvas transcend all successive stages, cultivating the Six Perfections and the Ten-thousand conducts. The Six Perfections are:

1. Giving. Giving transforms those who are stingy. Greedy people who can't give should practice giving, for if they do not learn to give they will never get rid of their stinginess.

2. Morality. The precepts are guides to perfect conduct and eliminate offenses, transgressions, and evil deeds. We must keep the precepts.

3. Patience. Patience transforms those who are hateful. If you have an unreasonable temper, cultivate both being patient and bearing with things. Don't be an Asura, a fighter who gets angry all day and who is not on speaking terms with anyone. And even when he speaks he will glare with fierce, angry eyes. Be patient instead.

4. Vigor. Vigor transforms those who are lazy. If you're lazy, learn to be vigorous.

5. Dhyana meditation. Dhyana meditation transforms those whose minds are scattered and confused.

6. Wisdom. Prajna wisdom transforms those who are stupid; the bright light of wisdom dispels the darkness of stupidity.

Bodhisattvas cultivate the Six Perfections and the Ten-thousand Conducts. Self-enlightened, they en-

tha. Đây là chỗ các ngài khác hẳn với hàng nhị thừa.

Giác Mãn (toàn giác) là Diệu giác, là sự giác ngộ của Đức Phật. Ngài vừa tự giác và giác tha, nên gọi là bậc Giác Hạnh Viên Mãn, tức là công hạnh tự giác chính mình và giác ngộ kẻ khác đã hoàn toàn viên mãn.

Các bạn nói, "Hòa thượng đã giảng giải nhiều về Đức Phật, nhưng con vẫn chưa hiểu Đức Phật là ai?"

Các bạn không biết? Tôi sẽ nói cho các bạn.

Chính các bạn là Đức Phật.

"Thế thì tại sao chúng con lại không biết?"

Tuy các bạn không biết, nhưng các bạn vẫn là Đức Phật. Nói vậy không có nghĩa rằng các bạn đã thành Phật. Các bạn là một vị Phật chưa thành. Phải hiểu rằng Đức Phật đã tu thành Phật từ địa vị của một người phàm. Do đó, phàm phu có thể tu thành Phật. Đức Phật là Bậc Giác Ngộ, nên khi chúng sanh ai giác ngộ, vị ấy là Phật. Nếu chưa giác ngộ, chúng sanh vẫn là chúng sanh. Đó là ý nghĩa tổng quát của chữ Phật.

Phật thì có Tam Thân, Tứ Trí, Ngũ Nhân, Lục Thông. Các bạn là Phật, nhưng là Phật chưa thành, bởi vì các bạn chưa có các quyền năng đó. Đức Phật đã tu từ địa vị một kẻ phàm phu cho đến thành Phật, và Ngài có tất cả thuộc tính của một vị Phật.

Cũng có người chưa thành Phật rêu rao rằng họ đã thành Phật. Đó là những kẻ ngu si đến tột đỉnh; họ huênh hoang về những điều mà họ không có. Họ tự dối chính mình và gạt gẫm người khác. Chẳng phải đó là sự ngu si tột đỉnh? Ai cũng có thể thành Phật, nhưng cần phải tu. Hễ ai có Tam Thân và Tứ Trí thì có thể tự xưng là Phật. Nhưng nếu bạn chỉ có Ngũ Nhân và chút ít thần thông thì không thể tự xưng vậy được.



Phật kể **một ngụ ngôn** trong kinh:

Một người đàn ông băng qua một cánh đồng gặp một con cọp giữa đường. Anh ta chạy trốn, cọp đuổi theo. Đến một vực sâu, anh nắm được rễ nho và đu mình sang bên kia. Cọp ở trên dọa anh ta. Sợ hãi, người đàn ông nhìn xuống, dưới xa, một con cọp khác đang đợi anh. Giúp anh ta chỉ có dây nho.

Hai con chuột, một trắng một đen, từ từ bắt đầu gặm mòn rễ nho. Người đàn ông nhìn thấy một trái dâu thơm ngon gần đó. Một tay nắm dây nho, một tay thò qua hái trái dâu. Ôi, trái dâu ngon ngọt làm sao!

(trích từ *Góp Nhặt Cát Đá*)

lighten others, and are therefore unlike those of the Small Vehicle.

Complete Enlightenment. This is wonderful enlightenment, the enlightenment of the Buddha. The Buddha perfects self-enlightenment and the enlightenment of others, and when his enlightenment and practice are complete, he realizes Buddhahood.

"Venerable Master, you keep talking about the Buddha," you say, "but I still don't know who the Buddha is."

You don't know? I will tell you.

You are the Buddha.

"Then why don't I know it?" you ask.

Your not knowing is just the Buddha! But this is not to say that you have already reached Buddhahood. You are as yet an unrealized Buddha. You should understand that the Buddha becomes a Buddha from the stage of a common person. Therefore, people who cultivate can realize Buddhahood. The Buddha is the Enlightened One, and when a living being becomes enlightened, he's a Buddha as well. Without enlightenment, he's just a living being. This is a general explanation of the word BUDDHA.

The Buddha has Three Bodies, Four Wisdoms, Five Eyes, and Six Spiritual Penetrations. You may be a Buddha, but you are still an unrealized Buddha, for you do not have these kinds of power. The Buddha cultivated from the stage of a common person to Buddhahood. He has all the attributes of Buddhahood.

There are those who haven't realized Buddhahood and yet claim to be Buddhas. This is the utmost stupidity; claiming to be what they are not, they cheat themselves and cheat others. Wouldn't you call that "ultimate stupidity"? Everyone can become a Buddha, but cultivation is necessary. If one has the Three Bodies and the Four Wisdoms, one may call oneself a Buddha. But if one has just the Five Eyes or a bit of spiritual penetration, one may not.

Buddhism: A Brief Introduction

(continued from page 17)

man, if there are those who have brought forth the resolve for Anuttara-Samyak-Sambodhi, they have already given birth to infinite merit and virtue and are universally able to collect themselves and remain on the path of All-wisdom... .

Good young man, it is just the way a single lamp, if brought into a dark room, is able to totally eradicate a hundred thousand years of darkness. The lamp of the Bodhi-mind of the Bodhisattva, Mahasattva is that way too, in that upon its entering the room which is the mind of a living being, the various dark obstacles of all the karmic afflictions from hundreds of quadrillions of ineffable numbers of eons can all be totally destroyed.

Thơ

Khế Hợp Chơn Tâm



Vân hà tu đạo bất khế chân,
 Chỉ duyên tình thức ngộ thử thân,
 Đương diện thác quá luân hồi chuyển,
 Giao bối thất chi sinh tử tâm,
 Chế tâm nhất xứ đại sự tất,
 Nhiếp niệm hồi quang pháp giới tạng,
 Thông dung phóng hạ trần lao tận,
 Tự tại tiêu dao phản cố hương.

Tạm dịch:

*Tại sao tu đạo chẳng khế chân,
 Vì duyên tình thức, làm nhận thân.
 Trước mặt chẳng biết: luân hồi mãi,
 Quay lưng vượt mắt: Sinh tử hoài.
 Giữ tâm một chỗ, xong việc lớn,
 Nhiếp niệm hồi quang, thu pháp giới.
 Thông dung buông xả, trần lao tận,
 Tự tại tiêu dao về cố hương.*

Giải thích:

Bài thơ trên do Hòa Thượng Tuyên Hóa viết để dạy người tu biết trọng điểm của việc hành trì. *Tại sao tu đạo chẳng khế chân*, thử hỏi vì sao mình tu mà chẳng được khế hợp với chân tâm? Một khi chúng ta tu mãi nhưng chẳng tiến bộ, chẳng được cảm ứng, chẳng khai ngộ chân tâm, đó chẳng qua là vì phương hướng tu hành của ta đã sai lạc. Ngài chỉ cho ta thấy

nguyên do sai lạc:

"Vì duyên tình thức làm nhận thân"

Duyên theo tình thức tức là duyên theo cảnh giới tình cảm và vọng tưởng. Tình cảm tức là lòng yêu ghét, kiêu ngạo đố kỵ, tranh giành ích kỷ, đối trá gạt gẫm, v.v... Thức thì bao gồm vọng tưởng, suy nghĩ, tính toán, hay những cảnh giới mà ta kinh nghiệm trong lúc thiên toạ. Cảnh giới ấy, nào là mình thấy Phật, nào là xuất hồn, nào là khoái lạc tự tại, v.v... đều chỉ là biến hiện của tâm thức. Khi không biết thực chất của cảnh ấy thì ta sẽ nhận lầm là thật chứng, và chấp trước vào nó. Song tất cả những cảnh giới hư vọng không tách rời sự chấp trước vào sự hiện hữu của tám thân xác thịt này. Bởi vì tất cả những dục vọng, tình cảm, và sự suy nghĩ đều nương thân mà phát.

*Trước mặt chẳng biết: luân hồi mãi,
 Quay lưng vượt mắt: Sinh tử hoài.*

Trước mặt tức là đối diện với cảnh giới, với pháp thế gian. *Chẳng biết* tức là không nhận ra chân lý bất biến, không nhìn xuyên thủng được giả tướng của cảnh; kết quả là ta sẽ bị cảnh chuyển, trôi theo dòng luân hồi. *Trước mặt chẳng biết* cũng có nghĩa là tuy chân như Phật tánh luôn ở trước mặt mình, song ta chẳng hề tri nhận, cứ tiếp tục dòng luân hồi mãi mãi. *Quay lưng* tức là không chấp nhận chân lý, là hướng tâm tìm cầu những thứ giả

đối. *Vuột mắt* tức là mắt cơ hội giác ngộ, và như vậy thì sẽ *sinh tử hoài*. Vậy thì có phương pháp gì để ta giác ngộ? Thì đây:

*Giữ tâm một chỗ, xong việc lớn,
Nhiếp niệm hồi quang, thu pháp giới.*

Giữ tâm một chỗ tức là dồn hết tâm tư, năng lực, tinh thần vào một mục tiêu.

Nhiếp niệm là thấu hồi vọng tưởng không để chúng lãng xãng nữa. Hồi quang thì phải thường tự sửa đổi những thói quen xấu, lỗi lầm, thành kiến. Sở dĩ ta chẳng thể giữ tâm một chỗ, chẳng thể nhiếp niệm chuyên nhất là vì mình không chịu buông bỏ những thứ giả dối. Hễ chẳng trừ bỏ tham vọng, ham muốn giàu có, danh vọng, quyền vị, hưởng thụ, ngủ nghỉ, thì chẳng bao giờ ta có thể ngồi yên lặng, nhất tâm tự tại trên bờ đoàn được. Rằng:

*Không buông bỏ cái giả dối
thì chẳng đạt thứ chân thật.*

Nhưng một khi giữ tâm yên một chỗ quán chiếu tự tánh, nhiếp niệm không truy cầu bên ngoài, sửa đổi thói xấu cho thành tốt, thì sẽ có ngày trí huệ chân chính sẽ bừng dậy, lúc ấy sinh tử sẽ chấm dứt: *đại sự xong*, và toàn thể pháp giới tức là cảnh giới của chân tâm sẽ hiện bày ngay đây: *thu pháp giới*. Khi đó sẽ là lúc:

*Thông dung buông xả, trần lao tận,
Tự tại tiêu dao về cố hương*

Thông dung nghĩa là thông đạt vạn sự, dung nhiếp chân lý trong hành động một cách tự tại. Tuy ở trong cõi ô trược, nhưng tâm chẳng phiền não, vì tâm hoàn toàn *buông xả*, chẳng chấp trước, chẳng níu kéo bất kỳ việc gì. Tuy ở chốn trần lao mà tâm trần đã dứt: trần lao tận. Thật là *tự tại*! Khi ấy nơi nào chẳng phải là chân tâm, là *cố hương*? Khi ấy nơi nào chẳng phải là chốn *tiêu dao*?

Những Lời Nên Tránh

Trong phẩm Thập Hạnh của Kinh Hoa Nghiêm có dạy người tu phương pháp khiến khẩu nghiệp của mình được thanh tịnh. Sau đây là mười phương pháp sơ khởi để ta tránh tạo tội khẩu nghiệp:

1. **Bất khả hỉ ngữ:** Lời không hoan hỉ, lời nói làm người nghe không sao sinh được lòng vui.
2. **Phi thiện pháp ngữ:** Lời không tốt, nói những chuyện không tốt lành, chuyện thị phi, không làm người nghe sinh lòng tốt được.
3. **Bất duyệt ý ngữ:** Lời nói không làm người nghe hài lòng, trái lại sinh lòng khó chịu.
4. **Bất khả ái ngữ:** Lời nói mình không thể yêu mến được, như lời thô tục chửi rủa.
5. **Phi nhân hiền ngữ:** Lời nói không phải của bậc hiền đức nhân từ, hay lời nói thiếu nhân từ, thiếu từ bi.
6. **Phi thánh trí ngữ:** Lời nói không chứa đựng, không có trí huệ của bậc thánh nhân. Ở đây cũng bao gồm lời dối trá, gạt gẫm, lời không đúng với sự thật.
7. **Phi thánh tương ưng ngữ:** Lời nói không phù hợp, không tương ưng với đạo đức hay trí huệ của bậc thánh nhân. Những lời thêu dệt, nói đâm thọc đều chẳng tương ưng với bậc thánh.
8. **Phi thánh thân cận ngữ:** Lời mà chư thánh không nói không dùng tới. Những lời này sẽ làm ta xa rời bậc thánh hay sự thánh thiện.
9. **Thâm khả yếm ố ngữ:** Những lời làm người nghe hết sức khó chịu, chán ghét.
10. **Bất kham thính văn ngữ:** Những lời nói khó lọt tai, làm người nghe không sao chịu đựng nổi.



SƠ LƯỢC VỀ PHẬT GIÁO

Buddhism : A Brief Introduction

The Faculty of the Developing Virtue Secondary School, CTTB

Chương Một:

KHỔ ĐAU: Vấn Đề Của Đời Sống

Nguyên thứ nhất trong Tứ Hoàng Thệ Nguyên của Bồ Tát: Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ

*Phật trong nhiều kiếp vì chúng sanh
Tu tập vô biên đại bi hạnh*

*Tùy thuận chúng sanh vào thế gian
Giáo hóa chúng hội khiến thanh tịnh*

(Kinh Hoa Nghiêm, Tập 1. Phẩm Thế
Chủ Diệu Nghiêm, Trang 234)

Nguyện này tương ứng với Khổ Đế:

Này các Tỳ kheo, Khổ Đế là thế nào? Sanh là khổ; già là khổ; bệnh là khổ; chết là khổ; ưu bi khổ não là khổ; ái biệt ly là khổ; oán tắng hội là khổ; cầu bất đắc là khổ; ngũ ấm (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) xí thịnh là khổ.

Khổ Đế phải được hiểu.

Nói "vấn đề" của đời sống hàm ý có một cái gì trục trặc trong cuộc sống mà chúng ta đang thực nghiệm. Vấn đề đó là gì? Chính đời sống của Đức Phật có thể soi sáng cho chúng ta hiểu thấu bên trong sự vật.

Đức Phật Thích Ca mà tôn hiệu có nghĩa là "Vị thánh của dòng họ Thích," đã dẫn sinh khoảng 2500 năm trước tại thành Ca Tỳ La Vệ, Ấn Độ. Thân phụ Ngài là vua một trong nhiều vương quốc của nước Ấn lúc bấy giờ. Khi Ngài sinh ra, nhiều vị tiên tri đã tiên đoán rằng hoặc là Ngài sẽ trở thành một Chuyển Luân Vương, hoặc là Ngài sẽ rời bỏ cuộc sống thế gian để trở thành một vị toàn giác, một vị Phật, và Ngài sẽ giáo hóa vô lượng chúng sanh, làm cho họ tìm được chân hạnh phúc siêu việt thế tục.

Vua cha rất lo sợ Ngài từ bỏ ngai vàng, cho

Chapter One

Suffering: The Problem of Existence

First Magnificent Vow of the Bodhisattva:

I vow to rescue the boundless living beings from suffering.

The Buddha toils through eons for the sake of living beings,

Cultivating limitless, oceanic, great compassion. To comply with living beings, he enters birth and death, Transforming the multitudes everywhere, so they become pure.

This vow corresponds to the Noble Truth of Suffering.

What, Bhikshus, is the Noble Truth of Suffering? Birth is suffering; old age is suffering; sickness is suffering; death is suffering; sorrow, lamentation, pain, grief, and despair are suffering; to be together with what or those you hate is suffering; to be separated from what or those you love is suffering; not to obtain what you wish for is suffering; in general, identification with the Five Constituents of Existence (physical form, feelings, thoughts, volitional formations, and consciousness) is suffering. The Truth of Suffering should be understood.

To mention the "problem" of existence already implies there is something wrong with life as we experience it. What is the problem? The Buddha's own life provides an insight.

The Buddha, Shakyamuni, whose name means "Sage of the Shakya clan," was born about 2500 years ago in Kapilavastu, India. His father was a ruler of one of the many kingdoms comprising India at that time. Upon his birth, seers predicted his son would either become a great world-ruling monarch or would renounce the mun-

nên đã phòng bị cẩn mật không để cho Ngài thấy những sự đau khổ của thế gian. Vị hoàng tử con vua đã vô tình đắm chìm trong các thú vui vật chất mà không bao giờ biết nỗi khổ của cuộc đời. Trong suốt thời niên thiếu, vị Phật tương lai cứ mỗi mùa lại ở trong một cung điện khác nhau, và không bao giờ rời khỏi những cung điện này. Vì vậy, môi trường sống của Ngài lúc bấy giờ giống như một cõi thiên đường ở địa giới.

Khi lên 19, hoàng tử xin vua cha được phép ra ngoài thành. Vua miễn cưỡng chấp thuận, nhưng đã sắp đặt trước để cho trên đường đi, Ngài sẽ không gặp được một người nào tàn tật, già nua, hoặc ốm đau.

Tuy nhiên, trong cuộc du hành đầu tiên ra khỏi hoàng cung, hoàng tử đã mục kích những cảnh sau đây:

Tuổi già

Lúc bấy giờ, để gây sự ghê tởm trong lòng Thái tử, vua cõi Trời Thanh Tịnh Thiên hóa hiện thành một ông già ốm yếu hom hem ngồi ở bên đường. Nhắc thấy người này, hoàng tử rất đỗi ngạc nhiên và hỏi người đánh xe: "Này Xa Nặc, cái ông tóc bạc, lưng còng là hạng người gì vậy? Mất ông ta mờ, thân thể thì nghiêng bên nọ vẹo bên kia. Ông ta tựa vào một cây gậy và đi một cách yếu ớt. Thân thể của ông ta bất thần thay đổi hay đó là sự tự nhiên?"

Người đánh xe lưỡng lự không dám nói thật. Lúc bấy giờ, vua trời Thanh Tịnh Thiên đã dùng thần thông khiến người đánh xe nói thật. "Người này đang ở trong tình trạng sức cùng lực tận và cuộc đời của ông ta không còn một chút lạc thú nào. Giờ đây, ông ta đã trở nên lẩn thẩn, các căn thì đang bị tàn phá. Đó là những thuộc tính của tuổi già. Ngày xưa, ông ta đã là một đứa bé được mẹ cho bú, nuông chiều. Rồi trong tuổi thanh xuân, ông ta đã vui chơi thỏa thích, đã đẹp trai lại chẳng ai kèm chế. Ông ta đã hưởng lạc. Nhưng năm tháng trôi qua, thân ông mòn mỏi và suy nhược. Bấy giờ, tuổi già đang làm cho nó điều tàn."

Hoàng tử thở dài và hỏi người đánh xe: "Một mình ông ta trở nên lự khụ già nua, hay là tất cả chúng ta sẽ trở thành như thế?"

Người đánh xe lại thưa, "Tâu Điện hạ, Ngài cũng không thoát khỏi số phận này. Thời gian trôi qua, thân hình Điện hạ cũng sẽ tự nhiên suy nhược. Điều này sẽ chắc chắn xảy ra không nghi ngờ gì cả. Tất cả những người trẻ đầy sinh lực rồi cũng sẽ già. Mọi người trên thế gian đều rõ điều này, nhưng người ta vẫn thích chạy theo thú vui vật chất."

Vị hoàng tử đã từng vô lượng kiếp tu hạnh Bồ Tát và trồng vô số căn lành. Cho nên giờ đây, nghe những lời này, những đại nguyện ngày trước của Ngài tự nhiên trở quả. Nghe tả những khổ đau của tuổi già, Ngài rung mình kinh hoàng. Tựa như một con dã thú hoảng kinh vì tiếng sét đánh, Ngài thật sự run sợ khi quán tưởng những khổ đau này.

Mắt nhìn vào cõi xa xăm, Ngài suy tưởng về những sự thống khổ của tuổi già. "Làm sao người ta có thể tìm được sự vui thú trong thế gian khi tuổi già sẽ tàn phá mọi sự mọi vật? Không một ai thoát khỏi. Trong một thời gian, thân hình người ta có thể tráng kiện, nhưng nó sẽ càng ngày càng suy yếu vì mọi sự đều phải thay đổi. Giờ đây, ta đã thấy rõ sự thật về tuổi già, làm

dane life to become a fully enlightened sage, a Buddha, who would teach countless living beings to find a genuine happiness that transcends the world.

The king, fearing his son might renounce the throne, took special precautions in his son's upbringing to prevent him from observing the sufferings of the world. His son, the prince, continuously enjoyed the myriad pleasures of life and did not come into contact with any of its pains. Through his youth the Buddha-to-be enjoyed separate palaces for each season. It is said that he never even left the palace grounds. Thus the prince's experience of life resembled a heaven on earth.

At nineteen the prince asked his father if he could take his first excursion outside the palace grounds. The king reluctantly consented, but made sure that along the highway his son would encounter no one maimed, aged, or sick.

The prince, however, on his first excursion outside the palace grounds had the following experiences:

Old Age

At that time the king of the Pure Abodes Heaven suddenly appeared at the side of the road transfigured as an old, decrepit man in order to stir repugnance in the prince's heart. The prince saw the old man and was startled. He asked his charioteer, "What kind of person is this with white hair and bent-back? His eyes are dim; his body wobbles. He leans on a cane and walks feebly. Has his body changed unexpectedly, or is this just the way things are naturally?"

The charioteer's mind wavered. He dared not answer true. Then the god from the Pure Abodes Heaven, with his spiritual powers, caused him to speak truly. "His form's decayed; his energy almost gone. Much distress and little happiness mark his life. Forgetful now, his sense faculties are wasted. These are the attributes of old age. Originally he was a suckling child, long-nurtured at his mother's breast. Then as a youth he cavorted and played about handsome, unrestrained, enjoying sense desires. However, as the years went by, his body withered and decayed. Now old age has brought him to ruin."

The prince heaved a long sigh, and then asked the charioteer, "Is he the only one who has become decrepit and old, or will we all like this become?"

The charioteer answered him again, "This lot in life alike awaits the Venerable One. As time goes on your body will naturally decay. This certainly, without doubt, will come to pass. All those young and energetic, will grow old. This, all in the world know, yet still they seek for pleasure."

The prince is actually a Bodhisattva who had long cultivated the karma of purity and wisdom, and widely planted the roots of every virtue. The fruits of his vows were now blossoming. Hearing these words on the suffering of old age, he shivered; his hair stood on end. Like a terrified herd of animals fleeing at the bolt of a thunder clap, the Bodhisattva in the same way trembled with fear, as he deeply sighed and contemplated the suffering of old age.

He shook his head and steadily gazed ponder-

sao ta lại không kinh tởm nó và tìm cách thoát khỏi nó?"

Bồ Tát bèn dạy người đánh xe, "Này Xa Nặc, hãy mau mau quay xe trở về! Những khổ đau ghê gớm của tuổi già đang lớn vồn trong trí óc ta, ta không thể tìm được một thú vui gì trong các hoa viên và dưới những rặng cây này. "Tuân lời, người đánh xe quất ngựa chạy như bay về thành.

Ngài suy nghĩ về tuổi già. Cung điện đối với Ngài giờ quạnh quẽ như một bãi tha ma, và bất cứ cái gì Ngài chạm đến đều lạnh lẽo tái tê. Lòng Ngài bồi hồi, bất an. Vua cha được tin hoàng tử không vui, bèn khuyên con nên đi du hành thêm một lần nữa. Vua truyền cho những người tổ chức chuyến đi này phải làm cho tất cả nơi chốn đều huy hoàng long lẫy hơn trước.

Bệnh tật

Lần này, vua trời lại hóa hiện thành một người đau nằm bên vệ đường cố bám lấy sự sống. Thân ông ta hốc hác, bụng trương phình lên, hơi thở hỗn hển. Tay chân ông teo lại, lưng thì còng. Ông ta khóc lóc và rên xiết một cách rất bi ai.

Hoàng tử hỏi người đánh xe, "Người này là loại người gì vậy?" Người đánh xe thưa, "Ông ấy là một người bệnh. Từ đại nơi thân ông không điều hòa, cho nên thân thể yếu mòn và ông không tự làm được gì. Ông ta phải nương nhờ nơi kẻ khác."

Nghe vậy, lòng hoàng tử rất đổi xót thương. Ngài bèn hỏi, "Chỉ có người này bị đau yếu hay là ai ai cũng phải đau ốm như vậy?"

"Trên thế gian này ai cũng có thể bị đau ốm," người đánh xe trả lời. "Đã có thân thì có bệnh. Bệnh tật đến với bất cứ ai. Vậy mà vẫn có những kẻ cuồng dại cứ đi tìm những thú vui ngắn ngủi của thế gian."

Rùng mình khi nghe những điều ghê rợn này, cả thân lẫn tâm hoàng tử bàng hoàng lay động như ánh trăng trên mặt hồ dậy sóng. Ngài tự hỏi, "Trời lần trên bề khổ như vậy, con người làm sao tìm được một phút giây an nhàn tự tại?" Ngài thở dài não nuột, buồn cho kiếp người triền miên sống trong sự ngu tối, lầm lẫn, chướng ngại. "Bệnh tật, như một kẻ cướp không nương tay, có thể ập đến bất cứ lúc nào. Vậy mà con người vẫn tưởng mình rất vui sướng, hạnh phúc."

Truyền cho xe trở về cung, lòng Ngài bị ám ảnh bởi tai ương bệnh tật. Lúc bấy giờ Ngài tự cảm thấy như một người sắp bị một cây gậy nặng nề giáng xuống thân mình, và Ngài đang cúi mình để đón chờ những cú đánh không chút xót thương. Trong cung, Ngài trầm lặng suy nghĩ về một thứ hạnh phúc chỉ có ngoài thế gian.

Vua cha tìm hiểu nguyên do hoàng tử trở về, và được tâu rằng hoàng tử đã gặp một người đau. Vua rất kinh hoàng và hốt hoảng. Vua nghiêm khắc la rầy những người chuẩn bị cuộc hành trình, nhưng chính những người này cũng không hiểu tại sao đã xảy ra cơ sự.

Rồi thì người ta đã đưa thêm nhiều ca nữ vào hậu cung. Lời ca tiếng nhạc của họ như chưa bao giờ mỹ miều như vậy. Vua cha hy vọng rằng hoàng tử sẽ say đắm những thú vui này và sẽ không rời bỏ cuộc sống tại gia. Bất luận ngày đêm, hoàng tử được dâng hiến những

ing the agony of old age. "How can people find delight in the pleasures of the world when old age brings it all to ruin? It affects everyone; none escape it. For a time the body may be robust and strong, but everything's subject to change. Now my own eyes behold the truth of old age, how can I not be disgusted and wish to leave it?"

The Bodhisattva told the charioteer, "Quickly turn the chariot around and go back. Unable to forget that old age will call for me, what happiness could I find in these gardens and groves?" Obeying the command, he drove as fast as the wind, and quickly returned to the palace.

The prince mulled over the experience of old age. The palace felt like a desolate graveyard. Everything he touched left him numb and cold. His heart could find no peace. The king heard that his son was unhappy, so he urged him to take another excursion. He ordered all of his officers to make everything more resplendent than before.

Sickness

The god again transformed himself, this time as a sick person, barely holding on to his life at the side of the road. With a gaunt body and bloated stomach, slow, asthmatic breath, stooped with withered hands and legs, he sorrowfully wept and moaned.

The prince asked the charioteer, "What kind of person is this?" The charioteer answered, "This is a sick person. The four great elements composing his body are completely out of balance. Emaciated and weak he's unable to do much of anything. Tossing back and forth, he has to rely on others."

Hearing this the prince's heart swelled with pity. He then asked, "Is it only this person who gets sick, or are others subject to the same?"

He answered, "In this world everyone will also get diseased. Sickness plagues all who have a body. Yet foolish people seek joy in the fleeting pleasures of the world."

The prince heard this with horror and dismay. His mind and body shuddered like the shimmering moon in troubled water. "Adrift on this ocean of great suffering, how can one be at ease?" He sighed for people in the world, so deluded, confused, and obstructed. "The thief of sickness can come at any time. Yet they seem happy and delighted."

Then he had the chariot turn around and go back, his mind distraught about the woe of sickness. He was just like someone who, about to be beaten, curls his body waiting for the clubs to fall. He quietly stayed in the palace, aspiring only for a happiness beyond the world.

The king inquired the reason for his son's return. He was told the prince had seen a sick person. The king was aghast and totally beside himself. He severely reprimanded the people who had prepared the road. But they too were perplexed and could not explain what had happened.

người đẹp với tiếng nhạc lời ca, nhưng Ngài vẫn không thấy một chút hạnh phúc nào.

Vua cha đích thân đi tìm những công viên đẹp lạ lùng. Vua cũng tự mình lựa chọn những mỹ nữ khêu gợi nhất cho hoàng tử. Những người đẹp khả ái này mà chỉ một liếc mắt cũng đủ làm cho đàn ông mê mẩn, đã dùng hết tài năng của họ để nuông chiều, hầu hạ hoàng tử.

Vua lại truyền trang hoàng lộng lẫy con đường mà hoàng tử sắp đi, dẹp hết mọi vật dơ bẩn, khó coi. Một lần nữa, vua lại nhắc người đánh xe trung thành hãy bám chặt lấy con đường hoa lệ.

Chết

Lúc bấy giờ vua trời Thanh Tịnh Thiên hóa hiện thành một người đã chết. Xác thân kẻ qua đời được bốn người gánh đi, hiện ra trước mặt Bồ Tát. Chỉ có Ngài và Xa Nặc trông thấy và không một ai khác biết. Hoàng tử hỏi, "Xác người kia với bao nhiêu là hoa và tràng phan trang trí, là gì vậy? Kìa, người thấy những người theo sau, tóc bỏ xổa, vừa đi vừa khóc than: trông đáng đáp thấy họ đau khổ biết chừng nào!"

Vua trời lại gợi ý cho người đánh xe, nên ông ta thưa, "Đây là một người chết. Tất cả các căn của người ấy đã hoàn toàn tê liệt; mạch sống của người ấy đã bị cắt đứt. Tâm của y đã tán loạn, thức của y đã ra đi. Tâm thức đã thế, còn hình hài thì đang bắt đầu héo khô. Thân hình ấy đang lạnh cứng chẳng khác gì một khúc gỗ. Ngày trước, bà con bạn bè đều kính mến y; giờ đây, không một người nào còn muốn thấy y. Họ xa lánh y, và sẽ bỏ y nơi một nghĩa địa hoang tàn." Khi hoàng tử nghe những điều này, lòng Ngài quặn đau. Ngài cảm thấy như đang bị trời chặt. Ngài hỏi, "Có phải chỉ một mình người này chết, hay là mọi người trên đời đều phải chết?"

Xa Nặc thưa, "Mỗi người đều phải chết. Bất cứ cái gì có bắt đầu thì phải có kết thúc. Người già, người trẻ, kẻ trung niên, ai ai hễ có thân thì thân phải hoại."

Hoàng tử rất xúc động. Thân Ngài tựa vào cây chắn phía trước xe, hơi thở gần như đứt đoạn. Ngài thở dài, hỏi: "Tại sao con người trên thế gian lại mê muội đến thế? Họ biết rằng thân họ rồi sẽ tiêu diệt, vậy mà họ vẫn sống một cách cấu thả? Họ chẳng phải là gỗ đá, mà lại chẳng nghĩ đến vô thường?"

Truyền Xa Nặc hồi cung, Ngài nói, "Bây giờ không phải là lúc vui chơi. Cuộc sống có thể chấm dứt bất cứ lúc nào. Chúng ta còn bụng dạ nào mà tiếp tục chuyển đi chơi này?"

Những điều mắt thấy tai nghe đã làm cho hoàng tử từ bỏ nếp sống bình thường để tìm một con đường thoát khỏi sanh tử. Tuy nhiên vua cha nhất định buộc hoàng tử phải ở trong cung. Ngài bèn hứa sẽ tuân lời cha nếu vua có thể bảo đảm bốn điều:

Con chỉ từ bỏ ý chí xuất gia với bốn điều kiện sau đây:

Then more songstresses were sent to the Prince's harem. Their music was more exquisite than before. The King hoped the prince, enamored by song and dance, would grow infatuated with the world and not abandon the householder's life. Day and night came offerings of lovely women and song, yet he was not happy at all.

The king himself traveled in search of gardens, wondrous and fine. He also selected the most fair and voluptuous maidens for the Prince. They fawned on him; with all their talents served him. They were so stunning, one look at them befuddled men.

He adorned even more the royal road so all imprurities were out of sight. He ordered once more the good charioteer, to carefully cleave to the gilded path.

Death

At that time the god from the Pure Abodes Heaven transfigured into a corpse. Four people carrying the cadaver appeared right before the Bodhisattva. Only the Bodhisattva and the charioteer saw this. No one else was aware of it. He asked, "What is this body, with flowers and banners adorned? Those trailing behind are all grief-stricken. Their hair hanging down, they wail as they follow along."

The god again inspired the charioteer. Thus he answered, "This is a dead person. All of his organs have deteriorated; his life has been cut off. His mind has scattered; his consciousness has left. His spirit has departed and his body has withered. It's rigid and straight like dry wood. Formerly all of his relatives and friends adored him; They bathed in mutual affection. Now none of them even wish to see him. They will shun and abandon him in an empty graveyard." When the prince heard of death his heart ached; he felt all bound up. He asked, "Is it only this person who dies, or is everyone in the world destined to the same?"

He answered, "Each and every one must die. Whatever has a beginning, also must end.

The old, the young, and those middle aged, anyone who has a body, is subject to decay."

The prince was shocked. His body leaned forward over the railing of the chariot. His breathing halted and he sighed, "Why are people in the world so deluded? Everyone sees that their body will perish, yet they still go through life so casually. They're not insensible like dead wood or stone. Yet they never think about the impermanence of life."

He ordered the charioteer to turn back home "This is no time for a pleasure ride. Life can end at any time. How can I indulge in an excursion?"

These experiences compelled the prince to renounce the common life to find the path beyond birth and death. His father, however, was adamant that he remains in the palace. The prince promised to stay if his

Bảo đảm rằng đời con sẽ không bao giờ chấm dứt; rằng con sẽ không bao giờ đau ốm; rằng con sẽ không già; và rằng của cải vật chất của con không bao giờ mất.

Nếu hội đủ bốn điều kiện này thì con sẽ tuân lời phụ hoàng dạy và không xuất gia. Nếu bốn ước nguyện này không thành, xin hãy cho con xuất gia. Xin phụ hoàng đừng ngăn trở. Con như đang ở trong một ngôi nhà đang cháy. Làm sao phụ hoàng có thể không cho con thoát khỏi ngôi nhà cháy này?

Sau đó, hoàng tử đã rời hoàng cung để khởi đầu một cuộc tìm kiếm cách giải quyết "vấn đề" của đời sống. Sáu năm sau, Ngài đã thành Phật, một vị toàn giác.

Trong Tứ Diệu Đế, Khổ Đế dạy rằng một thứ ray rứt phiền muộn thấm thấu cuộc đời của chúng ta. Tất cả những gì mà ta sống cho, tất cả những gì ta yêu quý rồi cuộc đời cũng sẽ mất: cha mẹ ta, anh chị em ta, con cái ta, vợ chồng ta, và ngay cả bản thân chúng ta. Cái chết sẽ lấy đi tất cả. Đây là một điều rất hệ trọng vì hai lẽ: một là nó là một thực tại không ai thoát khỏi, và hai là một cách nghịch lý, sự không tránh khỏi chết làm cho cuộc đời càng có ý nghĩa và có hướng đi. Bồ Tát cảm thấy mình là một với tất cả chúng sanh đau khổ và đức đại bi của Ngài nhuần thấm tất cả chúng sanh. Vì vậy, Ngài đã đi con đường giác ngộ mà chư Phật đã đi để cứu độ chúng sanh ly khổ đắc lạc.

Ta sẽ là một y sĩ giỏi cho những người bệnh và người đau khổ. Ta sẽ dẫn dắt những kẻ lầm đường trở về chánh đạo. Ta sẽ là ánh sáng cho những người ở trong đêm dài tăm tối. Ta sẽ làm cho những kẻ nghèo, những kẻ cơ cực khám phá ra những kho báu ẩn tàng. Bồ Tát không chút nào thiên vị, làm lợi cho chúng sanh như thế.

Tại sao? Vì đại bi là thể của tất cả chư Phật, tất cả các Đức Như Lai. Các Ngài có tình thương vô hạn cho từng chúng sanh. Do đại bi mà Bồ Đề tâm phát khởi; và do Bồ Đề tâm mà các Ngài thành chánh giác.

Phẩm Chất Ưu Việt Của Bồ Đề Tâm

Phải biết rằng Bồ Đề tâm hoàn toàn ngang với tất cả công đức của tất cả các pháp do Đức Phật dạy. Tại sao? Vì từ Bồ Đề tâm mà tất cả các hạnh Bồ Tát phát sinh. Vì rằng chư Phật trong ba đời quá khứ, hiện tại và vị lai từ Bồ Đề tâm mà sinh ra. Bởi thế, này người trai lành, nếu có kẻ phát tâm A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, kẻ ấy đã tạo công đức vô lượng vô biên và kẻ ấy có khả năng trụ tâm và tiến tu trên con đường toàn trí.

Này người trai lành, điều này cũng giống như một ngọn đèn nhỏ đem đặt trong một phòng tối, có thể xua đuổi bóng tối đã kéo dài ngàn năm. Ngọn đèn Bồ Đề tâm của Bồ Tát Ma Ha Tát cũng như vậy, vì rằng khi đem đặt trong phòng tối (tâm của một chúng sanh), những nghiệp chướng phiền não của trăm triệu ức kiếp của chúng sanh ấy có thể được hoàn toàn tiêu diệt.

father could guarantee four things:

Only under four conditions will I abandon my resolve to leave the householder's life. Guarantee my life will last forever, that I will be without sickness or old age, and that all my material wealth will never perish. Then I will respect your order and not leave the householder's life.

If these four wishes cannot be fulfilled, let me leave the householder's life. Please do not attempt to thwart me. I am in a burning house. How could you not let me out?

The prince did leave the palace to undertake a spiritual quest to solve the problem of existence. Six years later he became a Buddha, a fully Awakened One.

The Noble Truth of Suffering suggests that a deep malaise permeates our life. Everything that we live for, everything that is dear to us will eventually be lost: our fathers and mothers, our sisters and brothers, our sons and daughters, our husbands or wives, and eventually even our own lives. Death takes everything away. This is a very serious matter both because it is inescapable and real, and moreover because paradoxically the inevitability of death gives direction and meaning to life. The Bodhisattva feels a oneness with and resulting great compassion for all beings who undergo suffering. Thus he follows the Buddha's path to Awakening to help all beings end suffering and attain true happiness.

I will be a good doctor for the sick and suffering. I will lead those who have lost their way to the right road. I will be a bright light for those in the dark night. I will enable the poor and destitute to discover hidden treasures. The Bodhisattva impartially benefits all living beings in this manner..

Why is this? Because all Buddhas, the Thus Come Ones take a heart of great compassion as their very substance. Because of living beings they have great compassion. From great compassion the Bodhi-mind is born; and because of the Bodhi-mind they accomplish the Equal and Proper Awakening.

Therefore, great compassion for all the myriad living beings who are suffering in Samsara is the catalyst for making the profound resolution to become a fully Enlightened Buddha, that is, for generating the Bodhi-mind.

The Meritorious Qualities of the Bodhi-Mind

You should know that the Bodhi-mind is completely equal to all the merit and virtue of all dharmas taught by the Buddha. Why? It is because the Bodhi-mind produces all practices of the Bodhisattvas. It is because the Thus Comes Ones of the past, present, and future are born from the Bodhi-mind. Therefore, good young

(to be continued on page 10)

CẨM NANG TU ĐẠO

HẠNH XUẤT GIA : ĐỘ NGƯỜI

Hoà Thượng Quảng Khâm
(tiếp theo từ số 31)



Biết điều tốt của thí chủ

- .. Khi thí chủ quý trọng bạn, họ mới cúng dường. Vì thế, bạn nên có lòng tri ân, cảm kích, mà tu hành cho đàng hoàng.
- .. Như các bạn ăn mặc đơn sơ, đạm bạc, lại dám xả thân làm việc công quả cho chùa; người ngoài nhìn bạn họ sẽ nhận thấy rằng: "Các vị tu sĩ này thật làm tôi cảm động; họ biết xả thân vì Đạo, vì chùa..." và tự nhiên họ muốn cúng dường bạn. Như thế, vô hình trung, bạn đã độ họ, khiến họ trông căn lành trong ruộng phước đức. Đây chính là hoàng Pháp, lợi sinh vậy!
- .. Người tu phải chịu cực chịu khổ, không được chấp trước vào quan niệm về "tôi" và cái "của tôi," rồi sanh ra tật thích chải chuốt cho đẹp đẽ, ăn uống cho ngon lành, và muốn mọi sự phải cho tiện nghi, sung túc. Thân mặc áo nâu sòng cho sạch sẽ, chỉnh tề là đủ; bởi kẻ xuất gia mà sống quá sướng, quá hưởng thụ thì không người tại gia nào muốn cúng dường cả! Người tu mà biết chịu cực, sống kham khổ, thì thí chủ mới khâm phục, mới muốn cúng dường. Đời sống chỉ cần có cơm ăn no, có áo mặc ấm là đủ lắm rồi!
- .. Người xuất gia: chân đạp đất của tín thí, đầu đội trời của tín thí, thân mặc áo thí chủ cho, miệng ăn cơm thí chủ cúng, ngủ ở phòng thí chủ xây. Cứ tính là mỗi ngày bạn tu được một trăm đồng tiền công đức. Hễ bạn khởi tâm động niệm khiến thân miệng ý không thanh tịnh, thì khấu trừ đi ba mươi đồng. Thêm vào là tiền ăn uống đáng giá ba mươi

đồng, tiền trú ngụ là hai mươi đồng, tiền ăn mặc đáng năm mươi đồng; tổng cộng là một trăm ba mươi đồng tiền công đức. Đấy, công đức tu hành bạn làm ra trong ngày không đủ để trả những phí tổn trên; vậy thì bạn còn có công đức gì nữa? Tín chủ cúng dường khó tiêu lắm!

- .. Muốn Tăng-đoàn trang nghiêm, bản thân mình phải trang nghiêm. Bất cứ ở chỗ nào, lúc nào, mình cũng phải trang nghiêm. Thí dụ khi tụng Kinh, nếu người ta thấy chư Tăng, Ni vô cùng trang nghiêm, thì tự nhiên họ sẽ sanh lòng tín ngưỡng đối với Đạo, và không coi Phật giáo là thứ tiêu cực nữa.

B. Tiếp đãi tín đồ

- .. Bồ-tát là kẻ độ chúng sanh, do đó mình phải rộng kết duyên lành với chúng sanh. Hiện tại tôi còn sống, khi người ta tới bái kiến tôi thì các bạn phải ráng kết thiện duyên với họ. Thấy tín đồ nào, bạn cũng nên tiếp đón, chào hỏi; song không được phan duyên (dùng thủ đoạn tình cảm để kiếm lợi lộc riêng tư), không được cống cao ngã mạn, rằng "Tôi là người xuất gia, các vị chỉ là kẻ tại gia!" Bạn phải hiểu rằng tất cả mọi phí tổn cho sinh hoạt hàng ngày như ăn, ở, mặc của tôi đều là do thí chủ cúng dường mà ra!
- .. Khi có người kết duyên xấu với thí chủ, các bạn chớ có bị người ấy ảnh hưởng, khiến mình cũng kết duyên xấu với thí chủ. Bạn phải có năng lực nhận định phải trái, phải tự làm chủ chính mình; bởi chúng ta cần rộng kết duyên lành.

“ Cho nên nói: "Vị thành Phật, tiên kết nhân duyên"; nghĩa là khi chưa thành Phật, trước hết, phải kết duyên lành với mọi người.

“ Khi có tín đồ lại chùa, bạn hãy khéo dùng lời lành tiếp đãi họ, mời họ lạy Phật, ăn cơm, đi dạo coi chùa. Đó chính là kết duyên lành, và cũng là cách tu hành. Điều cốt yếu nhất là đừng bày đặt ra vẻ thanh cao, "ta đây là Thầy". Cái đó không phải là tu hành gì cả.

Tín đồ là kẻ đang tu học, bạn là người tu thì phải hành Đạo Bồ-tát. Không nên tu thứ hành vi xấu; phải tập cử chỉ tốt. Khi có kẻ bất lương đến chùa, bạn đừng để ý tới ý là xong. Đừng nên cần nhân, cũng đừng chửi rửa người khác hoai. Tu hành thì phải tu cho tới lúc có trí huệ; bấy giờ, hãy đừng chuyện gì, bạn cũng thấu suốt được ngay. Khi đó, nói chuyện gì bạn cũng có thể nói một cách viên dung. Khi mình đã đứng vững rồi, kẻ khác sẽ do đó mà sanh lòng hoan hỷ tiếp nhận lời bạn, mà bạn cũng không tạo nghiệp.

“ Tín đồ mang vật phẩm đến cúng dường, đó là vì họ muốn cầu phước. Vì vậy, dù vật nhỏ như một ngọn cỏ, bạn cũng phải vui vẻ tiếp nhận. Nếu khi thấy họ đem những thứ tốt đẹp lại cúng dường, rồi bạn sanh ra tham lam, thì bạn không thể ngộ Đạo được. Khi có người mang thức ăn dở đến, bạn đem nấu lại cho ngon lành, thì đó là bạn tu cả phước lẫn huệ! Nếu bạn không biết xử lý một cách thích đáng, ngược lại, cứ trách móc thí chủ đã cúng thức ăn hư thối; thì đó là tự bạn nổi phiền não và tự bạn tạo khẩu nghiệp mà thôi!

“ Dù là người trong gia đình hay bà con của

mình tới chùa ăn cơm, mình cũng nên khuyên họ cúng dường tiền cơm cho chùa để họ có quan niệm đúng đắn (về nhân quả, nghiệp báo.)

“ Bạn nên lân mẫn, thương hết mọi chúng sanh; hãy nghĩ rằng họ và mình chỉ là một. Thí chủ lại tu, lại trồng thiện căn; mình phải lấy tâm Bồ-đề, tâm từ bi đối với họ mới đúng.

“ Khi ai đang nói, bạn chớ ngắt lời hoặc nói xen vào. Chờ họ nói xong, mình hãy nói; đó gọi là lễ phép. Khi ứng tiếp, nói chuyện với thí chủ, bạn chỉ nên nói về Phật-pháp. Khi họ muốn nói chuyện thế tục, bạn hãy xin lỗi mà nói rằng: "Tôi không có thì giờ, xin mời bạn lên lễ Phật, hay tản bộ dạo chơi." Khi gặp kẻ xấu, bạn chớ để ý tới ý là tốt nhất; bởi vì hai đồng tiền mà đập vào nhau thì chắc chắn phải kêu lèng kèng!

“ Quan hệ với người đời: bất quá họ chỉ xã giao mà thôi. Vì vậy, khi bạn ứng tiếp họ, tâm bạn phải biết tự chủ, luôn có Phật-pháp (soi sáng). Không nên cùng người thế tục đàm luận chuyện đời. Hãy đem Phật-pháp lại so sánh.

“ Nói những chuyện khôi hài song song đây ý vị Phật-pháp sẽ làm người nghe đỡ phiền não.

“ Kẻ tu hành mà không nói Phật-pháp, lại đi đàm luận thế sự; đó nào phải là bốn phận của người xuất gia? Khi người tu mà còn nói chuyện trần tục của người đời, tức là y chưa đoạn được tục khí (thói quen trần tục); thế thì làm sao y đủ tư cách bàn tới hai chữ "tu hành"?





HT Hư Vân Họa Truyện

5. Một vị Bồ-tát đản sanh tại thế

Năm sau, nhằm ngày 30 tháng 7 âm lịch vào giờ Dần (3-5 giờ sáng), Nhan phu nhân hạ sanh ra Ngài. Ngài ra khỏi bụng mẹ trong một bọc da (đó là cảnh giới của một vị Bồ-tát Bát-Địa). Cảnh tượng đó làm mẹ Ngài kinh hoàng. Nghĩ rằng bà không còn hy vọng gì sinh thêm con được nữa, bà quá đau buồn mà tử trần. Ngày hôm sau, có một vị thầy thuốc già đến rạch cái bọc da, thế là Ngài chào đời.

Hòa Thượng Tuyên Hóa tán thán căn duyên đản sanh của Ngài Hư-Vân như sau:

*Đến chưa từng đến, sanh chẳng sanh,
Đâu-suất nội viện xuống trần gian,
Di Lạc phú chúc, hưng Phật Pháp,
Thích Ca thọ ký rạng tông phong.*

Dharma Realm Buddhist Association *
Long Beach Sagely Monastery
3361 East Ocean Boulevard
Long Beach, CA 90803 - USA
e-Mail: BoDeHai@AOL.com

Non-Profit Org.
US POSTAGE
PAID
Long Beach, CA
Permit No.432

To : _____

* Báo phát hành mỗi 2 tháng. Mọi thư từ, góp ý hay thỉnh báo xin thư về Long Beach Monastery. Chi phiếu phụ giúp ấn tống Bồ Đề Hải, xin đề Dharma Realm Buddhist Association(hay DRBA).